



## ● 女性のからだ・はたらき

重要度	No	日本語	Romaji	English / 英語
***	1	子宮	shikyu	uterus
***	2	卵巣	ranso	ovary
***	3	卵管	rankan	tube
***	4	膣	chitsu	vagina
***	5	骨盤	kotsuban	pelvis
***	6	月経（生理）	gekkei (seiri)	period
***	7	排卵	hairan	ovulation
**	8	基礎体温	kiso taion	basal body temperature (BBT)

## ● 妊娠、妊婦健診

重要度	No	日本語	Romaji	English / 英語
**	9	受精	kyusei	fertilization
*	10	着床	chakusho	implantation
***	11	胎児	taiji	fetus
**	12	胎盤	taiban	placenta
**	13	さい帯	saitai	umbilical cord
**	14	羊水	yosui	amniotic fluid
***	15	妊娠反応	ninshin hannou	pregnancy reaction
***	16	超音波検査	cho onpa kensa	ultrasonography
***	17	出産予定日	shussan yoteibi	expected date of delivery
***	18	血圧	ketsuatsu	blood pressure
**	19	体重	taiju	weight
**	20	尿蛋白	nyo tanpaku	urine protein
**	21	尿糖	nyo to	urinary sugar
***	22	母子健康手帳	boshi kenko techo	mother-and-child health handbook
***	23	妊婦健康診査	ninpu kenko shinsa	health checkups for pregnant women
**	24	公費負担	kohi futan	publicly funded

## ● 妊娠の問題

重要度	No	日本語	Romaji	English / 英語
**	25	切迫流産	seppaku ryuzan	threatened miscarriage
**	26	流産	ryuzan	miscarriage
**	27	つわり	tsuwari	morning sickness
**	28	異所性妊娠	ishosei ninshin	ectopic pregnancy
*	29	血液型不適合	ketsuekigata futekigo	blood group incompatibility
**	30	妊娠高血圧症候群	ninshin koketsuatsu shokogun	pregnancy-induced hypertension

Mga Salita	Tùr
------------	-----

Tagalog / タガログ語	Tiếng Việt / ベトナム語
matris	Tử cung
obaryo	Buồng trứng
tubo	Ống dẫn trứng
kaluban	Âm đạo
pelvis	Xương chậu
regla	Kinh nguyệt
obulasyon	Sự rụng trứng
saligan na temperatura ng katawan	Thân nhiệt cơ bản

Tagalog / タガログ語	Tiếng Việt / ベトナム語
pertilisado	Thụ tinh
pagpunla	Làm tổ
sanggol	Bào thai
inunan	Nhau thai
pusod	Dây rốn
panubigan	Nước ối
pagsusuri sa pagbubuntis	Thử thai
ultrasound	Kiểm tra siêu âm
Inaasahang araw ng panganganak	Ngày dự sinh
presyon ng dugo	Huyết áp
Timbang	Cân nặng
protina ng ihi	Protein trong nước tiểu
glukosa ng ihi	Đường trong nước tiểu
Maternity and Child Health Handbook / Handbook para sa kalusugan ng ina at sangol	Sổ tay sức khỏe mẹ và bé
Prenatal Health Check-up / Check up para sa kalusugan ng buntis	Khám sức khỏe mẹ và bé
pampublikong pondo	Chịu chi phí công

Tagalog / タガログ語	Tiếng Việt / ベトナム語
muntikang makunan	Đọa sản thai
makunan	Sản thai
paglililihi	Nghén
ectopic pregnancy / pagbubuntis sa labas ng matris	Có thai ngoài tử cung
inkompatibleng tipo ng dugo	Không phù hợp nhóm máu
Hypertensive Disorder of Pregnancy (HDP) / Mataas na presyon nang dugo sa panahon ng pagbubuntis	Tiền sản giật

**	31	妊娠糖尿病	ninshin tonyobyō	gestational diabetes
**	32	切迫早産	seppaku sozan	threatened premature delivery
**	33	早産	sozan	premature birth
*	34	骨盤位（さかご）	kotsuban'I (sakago)	breech position (a breech baby)

### ● 避妊、望まない妊娠

重要度	No	日本語	Romaji	English / 英語
**	35	IUS (子宮内黄体ホルモン 放出システム)	IUS	Intrauterine Contraceptive System
**	36	経口避妊薬 (ピル / OC)	piru / OC	Oral Contraceptives
*	37	コンドーム	kondomu	condom
*	38	不妊手術	funin shujutsu	sterilization
*	39	卵管結紮	rankan kessatsu	tubal ligation
*	40	パイプカット	paipu katto	vasectomy
**	41	緊急避妊薬 (アフターピル)	kinkyu hinin yaku (afuta piru)	emergency contraception
**	42	人工妊娠中絶	jinko ninshin chuzetsu	induced abortion
*	43	人工中絶薬	jinko chizetu yaku	induced abortion pills

### ● 出産～産後、子育て

重要度	No	日本語	Romaji	English / 英語
***	44	分娩	bunben	delivery
***	45	陣痛	jintsu	labor pains
***	46	破水	hasui	amniorrhesis/water brreaking
**	47	陣痛促進剤	jintsu sokushin	labor induction
**	48	会陰切開	ein sekkai	episiotomy
***	49	帝王切開	teio sekkai	caesarean section
*	50	無痛分娩	mutsu bunben	painless delivery
**	51	産じょく	sanjoku	puerperium
***	52	授乳	junyu	breastfeeding
***	53	母乳	bonyu	breast milk
**	54	マタニティブルー	mataniti buru	maternity blues
***	55	産後うつ	sango utsu	postpartum depression;
*	56	乳腺炎	nyusen en	mastitis
***	57	新生児	sinseiji	newborn baby
*	58	黄疸	odan	jaundice
*	59	光線療法	kosen ryoho	photodynamic therapy
***	60	乳児健診	nyuji kenshin	health checkups for infants
***	61	予防接種	yobo sesshu	vaccination

Gestational Diabetes Mellitus (GDM) / Diyabetis sa panahon ng pagbubuntis	Tiểu đường thai kỳ
Pangambag manganak ng mas maaga	Dạ sinh non
Napaaga kapanganakan	Sinh non
suhi	Thai ngược

Tagalog / タガログ語	Tiếng Việt / ベトナム語
IUS / Sistema para sa paggamit ng luteal hormone sa loob ng matris	Tránh thai bằng cách đặt vòng
Pill / contraception na iniinom	Tránh thai bằng thuốc
kondom	Bao cao su
isterilisasyon	Triệt sản
tubal ligation / ligate	Thắt ống dẫn trứng
puputulin ung tubo	Thắt ống dẫn tinh
emergency contraceptive pills (ECP) / morning-after pill	Thuốc tránh thai khẩn cấp
Pagpapalaglag	Phá thai
gamot para magpalaglag	Thuốc phá thai

Tagalog / タガログ語	Tiếng Việt / ベトナム語
panganakan	Đẻ
paghilab ng tiyan	Cơn đau đẻ
Puputok ang panubigan	Vỡ ối
Induction of Labor / Gamot para sa promosyon ng paghilab ng tiyan	Thuốc kích thích mau sinh
Episiotomy / Episiotomiya	Cắt tầng sinh môn khi sinh
cesarean	Sinh mổ
painless labor / panganakan habang naka anestisya	Đẻ không đau
puerperium / habang bumabalik ang katawan pagtapos ng panganakan	Ở cữ sau đẻ
pagbibigyan ng gatas	Thời gian cho con bú
Gatas ng nanay	Cho con bú sữa mẹ
Maternity Blue / Depresyon sa panahon ng pagbubuntis	Trầm cảm khi mang thai
Postpartum depression / Depresyon pagtapos manganak	Trầm cảm sau sinh
impeksyon sa suso	Viêm vú
sanggal	Trẻ sơ sinh
jaundice / paninilaw	Vàng da
phototherapy / terapi gamit and redyasyon	Biện pháp trị liệu bằng ánh sáng
Pagpasuri sa kalusugan para sa mga Sanggol	Khám sức khỏe cho trẻ sơ sinh
bakuna	Tiêm phòng

## ● 手続き、制度など

重要度	No	日本語	Romaji	English / 英語
***	62	出生届	shussho todoke	birth certificate
*	63	新生児訪問	sinseiji homon	visit to households with babies
**	64	産前産後休業	sanzen, sango kyugyo	maternity leave before and after childbirth
*	65	育児休業	ikuji kyugyo	childcare leave
**	66	出産育児一時金	shussan ikuji ichijikin	lump-sum allowance for childbirth and nursing
**	67	出産手当金	shussan teatekin	maternity allowance
*	68	入院助産制度	nyuin josan seido	in-hospital midwifery care
**	69	児童手当	jido teate	child-care allowance
*	70	児童扶養手当	jido fuyo teate	child rearing allowance (mainly for single-parents)
**	71	児童相談所	jido sodansho	child consultation center
**	72	保育所	hoikusho	preschool
**	73	一時保育	ichiji hoiku	short-term child care
*	74	ファミリー・サポート・センター (ファミサポ)	famisapo	family support center (famisapo)
*	75	幼稚園	yochien	kindergarten

## ● その他

重要度	No	日本語	Romaji	English / 英語
*	76	不妊症	funinsho	infertility
**	77	不妊治療	funin chiryo	fertility treatment
**	78	出生前診断	shusseizen shindan	prenatal diagnosis
**	79	マタニティハラスメント (マタハラ)	matahara	pregnancy discrimination (matahara)
*	80	性犯罪	seihanzai	sex crime
*	81	性暴力	seibouryoku	sexual violence
**	82	更年期	konenki	menopause
***	83	子宮がん	shikyu gan	uterine cancer
***	84	乳がん	nyu gan	breast cancer
**	85	がん検診	gan kenshin	cancer screening

Tagalog / タガログ語	Tiếng Việt / ベトナム語
Rehistro ng Kapanganakan	Giấy khai sinh
Pagbisita sa bagong panganak na sanggol	Đến thăm trẻ sơ sinh
Pahinga para sa bago taka pagtapos ng panganak	Nghỉ đẻ trước và sau khi sinh
Benipisyo sa hindi pagpasok dahil sa pag-aalaga ng bata	Nghỉ để chăm sóc con cái
Sustento sa pnganganak at pag-aalaga ng sanggol	Tiền được nhận khi sinh con
Sustento sa Panganganak	Tiền trợ cấp sinh sản
System ng midwifery sa ospital	Chế độ hỗ trợ khi nhập viện
Sustento ng Bata	Trợ cấp cho con
Sustento sa pagpapalaki ng bata	Trợ cấp nuôi dưỡng con cái
Konsultasyon kaugnay sa bata	Trung tâm tư vấn trẻ em
paalagaan	Trường mẫu giáo
Pansamantalang pag-aalaga ng bata	Trông giữ trẻ tạm thời
Sentro ng pagsuporta sa mga pamilya	Trung tâm hỗ trợ gia đình
kindergarten	Mẫu giáo

Tagalog / タガログ語	Tiếng Việt / ベトナム語
pagkabaog	Chứng vô sinh
Paggamoot sa pagkabaog	Điều trị vô sinh
Pagsuri sa kalusugan bago manganak	Chuẩn đoán trước khi sinh
Maternity harassment / Diskriminasyon batay sa pagbubuntis	Kỳ thị thai phụ
Krimen sa Seksuwal na asalto	Tội phạm tình dục
Seksuwal na karahasan	Bạo lực tình dục
menopos	Thời kỳ mãn kinh
Kanser sa matris	Ung thư tử cung
Kanser sa suso	Ung thư vú
Pagsuri sa Kanser	Kiểm tra ung thư

## お役立ちページ

多言語情報や、外国人対応に関する情報を掲載しているサイト一覧です。

### 《多言語の情報あり》

- 厚生労働省「すこやかな妊娠と出産のために」

<https://www.mhlw.go.jp/bunya/kodomo/boshi-hoken10/index.html>

- 日本産婦人科医会「EPDS(エジンバラ産後うつ質問票)」

<https://mcmc.jaog.or.jp/pages/epds>

- Provincial Health Services, BC, Canada. “Edinburgh Postnatal Depression Scale (EPDS)”(英語)

[http://www.perinatalervicesbc.ca/health-professionals/professional-resources/health-promo/edinburgh-postnatal-depression-scale-\(epds\)](http://www.perinatalervicesbc.ca/health-professionals/professional-resources/health-promo/edinburgh-postnatal-depression-scale-(epds))

- Department of Health, Vic, Australia. “Edinburgh Postnatal Depression Scale (EPDS)”(英語)

<https://www.healthtranslations.vic.gov.au/site-14468/resources/edinburgh-postnatal-depression-scale-epds>

- バイエルファーマ「トリキュラー説明文書」(多言語)\*トリキュラー…低用量ピルの商品名

<https://pharma-navi.bayer.jp/triquilar/product>

- 厚生労働省 スタートアップ労働条件「都道府県労働局・労働基準監督署及び総合労働相談コーナー(外国人労働者向け)」

<https://www.startup-roudou.mhlw.go.jp/foreigner.html>

### 《本文の情報をさらにくわしくみられるサイト》

- 法務省民事局「国際結婚、海外での出生等に関する戸籍Q&A」 <https://www.moj.go.jp/MINJI/minji15.html>

- 法務省民事局「子の名に使える漢字」 <https://www.moj.go.jp/MINJI/minji86.html>

- 日本小児科学会「知っておきたいわくちん情報」

[http://www.jpeds.or.jp/modules/activity/index.php?content\\_id=263](http://www.jpeds.or.jp/modules/activity/index.php?content_id=263)

- 厚生労働省「全国の女性健康支援センター一覧」

<https://www.mhlw.go.jp/content/11900000/000698195.pdf>

- 厚生労働省「児童相談所虐待対応ダイヤル『189』について」

[https://www.mhlw.go.jp/stf/seisakunitsuite/bunya/kodomo/kodomo\\_kosodate/dial\\_189.html](https://www.mhlw.go.jp/stf/seisakunitsuite/bunya/kodomo/kodomo_kosodate/dial_189.html)

- 厚生労働省「総合労働相談コーナーのご案内」

<https://www.mhlw.go.jp/general/seido/chihou/kaiketu/soudan.html>

## 参考資料一覧

### 《書籍、冊子》

- 年森清隆, 河原克雅. 人体の正常構造と機能〈6〉生殖器(改訂第2版). 日本医事新報社, 2012.

- 相談窓口担当者のための「多文化」ってこういうこと. (公財)愛知県国際交流協会, 2018.

### 《ウェブサイト》

- 持田製薬「女性のライフステージと病気について」 <https://www.mochida.co.jp/woman/womanslife/>

- 厚生労働省「e-ヘルスネット」 <https://www.e-healthnet.mhlw.go.jp>

- 厚生労働省「がん検診」 <https://www.mhlw.go.jp/stf/seisakunitsuite/bunya/0000059490.html>
- 日本産科婦人科学会「更年期障害」 [https://www.jsog.or.jp/modules/diseases/index.php?content\\_id=14](https://www.jsog.or.jp/modules/diseases/index.php?content_id=14)
- 内閣府男女共同参画局「ドメスティック・バイオレンス(DV)とは」  
[https://www.gender.go.jp/policy/no\\_violence/e-vaw/dv/index.html](https://www.gender.go.jp/policy/no_violence/e-vaw/dv/index.html)
- 日本新薬「生理のしくみ」 <https://seiritsu.jp/organization/>
- ユニ・チャーム「ソフィはじめてからだナビ：生理のしくみ」  
[https://jp.sofygirls.com/ja/girls/before\\_period/period\\_mechanism\\_04.html](https://jp.sofygirls.com/ja/girls/before_period/period_mechanism_04.html)
- 日本産科婦人科学会「月経前症候群」 [https://www.jsog.or.jp/modules/diseases/index.php?content\\_id=13](https://www.jsog.or.jp/modules/diseases/index.php?content_id=13)
- エスエス製薬「生理時の症状」 [https://www.ssp.co.jp/eve/period\\_pain/symptoms/](https://www.ssp.co.jp/eve/period_pain/symptoms/)
- 横浜市「B群レンサ球菌(GBS)感染症について」  
<https://www.city.yokohama.lg.jp/kurashi/kenko-iryoe/eiken/kansen-center/shikkan/alphabet/gbs1.html>
- なんでないのプロジェクト <https://www.nandenaino.com/>
- オルガノン「避妊情報サイト」 <https://www.hinin-style.jp/top.xhtml>
- あすか製薬「避妊の種類と方法」 <https://www.asaka-pharma.co.jp/general/oc/type.html>
- バイエルファーマ「ミレーナ」 <https://betterl.bayer.jp/whc/mirena/mirena>
- 法務省民事局「国籍」 <https://www.moj.go.jp/MINJI/kokuseki.html>
- 内閣府「児童手当制度のご案内」 <https://www8.cao.go.jp/shoushi/jidouate/annai.html>
- 町田市「子どもが生まれたら(外国人住民の場合)」  
<https://www.city.machida.tokyo.jp/kurashi/touroku/gaikokujin/gaikokujin-syussyou.html>
- 出入国在留管理庁「在留資格取得許可申請」 <https://www.moj.go.jp/isa/applications/procedures/16-10.html>
- 岡山市「外国人住民の届出：日本で子供が生まれた場合」  
<https://www.city.okayama.jp/kurashi/0000008972.html>
- 日本小児科学会「日本小児科学会が推奨する予防接種スケジュール」  
[http://www.jpeds.or.jp/modules/activity/index.php?content\\_id=138](http://www.jpeds.or.jp/modules/activity/index.php?content_id=138)
- 厚生労働省「子ども・子育て支援」  
[https://www.mhlw.go.jp/stf/seisakunitsuite/bunya/kodomo/kodomo\\_kosodate/kosodate/index.html](https://www.mhlw.go.jp/stf/seisakunitsuite/bunya/kodomo/kodomo_kosodate/kosodate/index.html)
- 厚生労働省「児童扶養手当について」 <https://www.mhlw.go.jp/bunya/kodomo/osirase/100526-1.html>
- 厚生労働省「児童相談所運営指針」 <https://www.mhlw.go.jp/bunya/kodomo/dv11/01.html>
- 内閣府「よくわかる『子ども・子育て支援新制度』」 <https://www8.cao.go.jp/shoushi/shinseido/sukusuku.html>
- 全国乳児福祉協議会「乳児院とは」 <https://nyujiin.gr.jp/about/>
- 全国児童養護施設協議会「児童養護施設とは」 <https://www.zenyokyo.gr.jp/about/>
- 全国里親会「里親制度を知る」 <https://www.zensato.or.jp/know>
- 女性応援ポータルサイト(内閣府男女共同参画局)「女性の健康に関する相談・支援サービス」  
<https://www.gender.go.jp/policy/sokushin/ouen/living/health/>
- 厚生労働省「成育医療等に関する施策」 <https://www.mhlw.go.jp/content/11908000/000596077.pdf>
- 厚生労働省「養育支援訪問事業ガイドライン」 <https://www.mhlw.go.jp/bunya/kodomo/kosodate08/03.html>
- 厚生労働省「働く女性の母性健康管理措置、母性保護規定について」  
<https://www.mhlw.go.jp/bunya/koyoukintou/seisaku05/01.html>
- 厚生労働省「雇用における男女の均等な機会と待遇の確保のために」  
[https://www.mhlw.go.jp/stf/seisakunitsuite/bunya/koyou\\_roudou/koyoukintou/danjokintou/index.html](https://www.mhlw.go.jp/stf/seisakunitsuite/bunya/koyou_roudou/koyoukintou/danjokintou/index.html)



## 外国人女性とリプロダクティブ・ライツ ～妊娠・出産・子育て～

発行 2022年3月  
編集・発行 NGO神戸外国人救援ネット  
神戸市中央区中山手通1-28-7 TEL/FAX 078-271-3270  
gqnet@poppy.ocn.ne.jp <http://gqnet.webcrow.jp/>  
協力 多文化共生センターひょうご  
印刷 冊子印刷ドットコム

無断転載・複製を禁じます。

この冊子は、2021年度 公益信託 神戸まちづくり六甲アイランド基金助成を受けて作成しました。